TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày 08/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Chu Đức Quế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Anh Tuấn

Ông Hoàng Đức Quang

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Bào Kim Vân, Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà*:** Ông Triệu Xuân Trìu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2018, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P , tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/HSST, ngày 06 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn Đ, sinh ngày 11/12/1997 tại xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Trú tại: thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; Đảng, Đoàn: Không; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T và con bà Triệu Thị U; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không (Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa).

2. Nông Văn B, sinh ngày 03/5/1989 tại xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Trú tại: thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; Đảng: Đảng viên dự bị đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L và con bà Hoàng Thị P; vợ: Lê Thị Q và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không (Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa).

3.Lường Văn L, sinh ngày 18/8/1992 tại xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Trú tại: thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; Đảng, Đoàn: Không; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lường Văn P và con bà Lường Thị T; vợ: Dương Thị M và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không (Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa).

4. Mô Văn A, sinh ngày 23/10/1989 tại xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Trú tại: thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, Đoàn: Không; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mô Viết P và con bà Lường Thị M; vợ: Nguyễn Thị D và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không (Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa).

5. Nông Văn T, sinh ngày 01/10/1990 tại xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Trú tại: thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn C và con bà Nông Thị P; vợ: Chu Thị D; Con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không (Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa).

6. Lường Văn D, sinh ngày 21/11/1985 tại xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Trú tại: thôn B, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; trình độ văn hoá: 11/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; Đảng, Đoàn: Không; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lường Văn M và con bà Lộc Thị N; vợ: Chu Thị V và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không (Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa).

7. Mã Văn G, sinh ngày 10/6/1993 tại xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Trú tại: thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, Đoàn: Không; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mã Văn K và con bà Hoàng Thị X; vợ: Trịnh Thị N và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không (Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa).

8. Trịnh Văn N, sinh ngày 10/9/1994 tại xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Trú tại: thôn B, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, Đoàn: Không; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn H và con bà Lường Thị K; vợ: Dương Thị T; Con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không (Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa).

*** Những người bào chữa cho các bị cáo:**

Bà Hoàng Thu C (có mặt)

Ông Lý Văn T(có mặt)

Ông Đinh Xuân D (có mặt)

Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 15 phút ngày 12/01/2018 tại lán chăn nuôi của anh Lường Văn H, thuộc thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác Công an huyện P, đã

bắt quả tang Mô Văn A, Nông Văn B, Mã Văn G đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng. Tang vật thu giữ trên chiếu bạc gồm một đĩa nhựa màu xanh, bốn quân bài làm bằng tre một mặt bôi đen một mặt để tự nhiên, nhiều mảnh vỡ làm bằng sứ và số tiền 5.950.000đ (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), mở rộng kiểm tra, tổ công tác đã tạm giữ một số tài sản liên quan khác. Sau khi bắt quả tang, tổ công tác đang tiến hành lập biên bản thì có Nông Văn T và Lường Văn L đến tự thú và khai nhận hành vi đánh bạc của bản thân, ngoài ra T, L, G, A và B còn khai ngày 12/01/2018 tham gia đánh bạc còn có Dương Văn Đ, Lường Văn D và Trịnh Văn N.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Mô Văn A, Mã Văn G, Nông Văn B, Nông Văn T, Lường Văn D, Dương Văn Đ, Trịnh Văn N và Lường Văn H đều khai: Khoảng 16 giờ ngày 12/01/2018 Mã Văn G, Trịnh Văn N và Dương Văn Đ cùng rủ nhau đi lên lán chăn nuôi của Lường Văn L tại thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn để mua gà làm cháo, khi đi đến cầu N, thuộc thôn N, gặp và rủ Nông Văn D, Mô Văn A, Nông Văn T cùng đi thì D, A, T đồng ý, tại đây Đ và N điều khiển xe mô tô đi trước. Trước khi đi T có hỏi vay và cầm cố chiếc điện thoại OPPO màn hình cảm ứng, màu trắng với D lấy 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) để trả tiền công cho thợ và mua gà. Khi đi đến lán của L do không bắt được gà, trong lán thì bẩn nên Đ và N quay lại đến lán chăn nuôi của anh Lường Văn H (Cách lán của L khoảng 100 mét) thì gặp D, A, T và G điều khiển xe mô tô đến và cùng ngồi chơi ở bên ngoài lán của anh , được khoảng 10 phút thì Đ đi chặt mía về để ăn, trong lúc ăn mía Đ nói "*Xóc đĩa uống rượu đi"*, Đ nói xong, A liền đi làm quân bài nhưng bị hỏng nên A và T làm lại. A và T dùng con dao có trong lán của anh H cắt thanh tre làm 04 (Bốn) quân bài một mặt bôi đen, một mặt để tự nhiên mang vào lán, lúc này do lán của anh H không có đĩa nên Đ đã gọi điện thoại và bảo Lường Văn L mang đĩa lên lán của anh H để xóc đĩa uống rượu. Nghe Đ nói xong, L lấy một cái đĩa nhựa màu xanh từ lán của mình đến và để vào lán của anh H rồi đi ra ngoài tìm củi nhóm bếp, còn Dlấy chiếc bát sứ dùng để ăn cơm trong lán của anh H sau đó cùng với A, T và Đngồi xóc đĩa uống rượu tại chiếc chiếu đặt trên sàn của lán, cùng lúc đó G đi vệ sinh về vào lán thấy xóc đĩa uống rượu thì G nói *"Đánh tiền không"?* D, A, G và T đều đồng ý và cùng nhau đánh bạc bằng tiền được hai ván thì L và N ở ngoài đi vào lán thấy, cũng ngồi xuống chiếu và đánh bạc cùng. D, A, Đ, T, L, N và G ngồi vòng tròn vừa đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, vừa uống rượu được một lúc thì hết rượu nên L gọi điện thoại cho Nông Văn B mang rượu đến cho L, khi B mang rượu đến ngồi xem hai ván thì cũng ngồi tham gia đánh bạc cùng. Trước khi đánh bạc D là người được chọn cầm cái xóc đĩa và quy ước một bên cửa chẵn, một bên cửa lẻ, mỗi ván người chơi đặt cược từ 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) đến 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Đánh bạc đến 20 giờ 15 phút thì bị Công an phát hiện nên D, Đ, T, L và N chạy thoát lên đồi, sau đó L và T đã quay

lại lán anh H tự thú với tổ công tác, còn D, Đ, và N sau khi chạy thoát, đến ngày 13/01/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện P phát giấy triệu tập thì đã đến trình diện và khai nhận hành vi đánh bạc của bản thân.

Kết quả điều tra xác định: Trước khi tham gia đánh bạc **Lường Văn L** mang theo 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) sử dụng hết vào đánh bạc, trong khi đánh bạc do thua hết tiền nên L đã cầm cố chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO của mình với Lường Văn D lấy số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) sử dụng hết vào đánh bạc, sau đó đánh bạc thắng tiền, L đã trả cho D 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và lấy lại chiếc điện thoại, đến khi bị bắt quả tang L bị thua hết tiền; **Nông Văn T** mang theo 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) sử dụng hết vào đánh bạc, trong khi đánh bạc do thua hết tiền nên T đã cầm cố chiếc điện thoại nhãn hiệu Viettel V6402 với Trịnh Văn N lấy 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), sử dụng vào đánh bạc và thua hết; **Trịnh Văn N** mang theo 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng), cho T vay 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), còn 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) sử dụng vào đánh bạc và thua hết; **Lường Văn D** trước khi đánh bạc mang theo 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng), D sử dụng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc, còn 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) để trong túi áo, trong quá trình đánh bạc D đã lấy ra và cho G vay lần thứ hai để G sử dụng vào việc đánh bạc. **Mô Văn A** mang theo 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) sử dụng hết vào đánh bạc, A đang thắng tiền để ở chiếu thì bị bắt quả tang; **Nông Văn B** mang theo 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) sử dụng hết vào đánh bạc, trong lúc đánh bạc còn 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đang cầm trên tay đánh bạc thì bị bắt quả tang; **Dương Văn Đ** mang theo 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) sử dụng vào đánh bạc và thua hết; **Mã Văn G** trước khi đánh bạc mang theo 1.250.00đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) sử dụng hết vào đánh bạc, trong khi đánh bạc do thua hết tiền nên G đã vay tiếp lần thứ hai của D 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) sử dụng vào đánh bạc và thua hết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng số: 08/KSĐT-TA ngày 04/7/2018 truy tố các bị cáo Mô Văn A, Mã Văn G, Nông Văn B, Nông Văn T, Lường Văn D, Dương Văn Đ, Trịnh Văn Nvà Lường Văn L về tội "Đánh bạc" và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:

- Các bị cáo Mô Văn A, Mã Văn G, Nông Văn B, Nông Văn T, Lường Văn D, Dương Văn Đ, Trịnh Văn N và Lường Văn L phạm tội *"Đánh bạc"*.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Đề nghị xử phạt các bị cáo Mô Văn A, Mã Văn G, Nông Văn B, Dương Văn Đ, Trịnh Văn N từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, r khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T, Lường Văn L từ 03 đến 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lường Văn D từ 03 đến 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

- Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng vụ án theo Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí;

Xét miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng có ý kiến mong Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 17 giờ đến 20 giờ 15 phút ngày 12/01/2018 tại lán chăn nuôi của anh Lường Văn H thuộc thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, các bị cáo Mô Văn A, Dương Văn Đ, Mã Văn G, Nông Văn B, Lường Văn L, Lường Văn D, Nông Văn T và Trịnh Văn N đã thực hiện

hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa với mục đích được thua bằng tiền Việt Nam đồng, với tổng số tiền dùng đánh bạc là 5.950.000đ (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "*Đánh bạc*" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều luật có nội dung:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

……

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa ph□ơng. Do vậy cần xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Đây là vụ án đánh bạc có nhiều bị cáo tham gia, có tính chất đồng phạm đơn giản, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước mà cùng thực hiện việc đánh bạc một cách tự phát không có vai trò riêng đối với từng bị cáo, do vậy các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tại phiên tòa đã thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều là những người lao động thuần túy, sinh ra và lớn lên lao động sản xuất nông nghiệp cùng gia đình, có hộ khẩu thường trú rõ ràng, xét thấy nên cần áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước, đối với bị cáo Lường Văn Lvà Nông Văn T sau khi phạm tội đã ra tự thú nên được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự nên chưa cần thiết buộc các bị cáo vào trại cải tạo chỉ cần giao các bị

cáo cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và đủ cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội. Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất là cho các bị cáo được hưởng án treo.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án: Cần tịch thu, tiêu hủy 01 đĩa nhựa màu xanh, 04 quân bài làm bằng tre, nhiều mảnh sứ vỡ. Tịch thu, hóa giá sung công quỹ Nhà nước 02 chiếc điên thoại di động, 01 chiếc nhãn hiệu Viettel màu trắng loại bàn phím đã qua sử dụng, 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu vàng màn hình cảm ứng là tài sản các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.950.000đ (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn) do cơ quan điều tra thu giữ của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

Trả lại cho bị cáo Mã Văn G 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng màn hình cảm ứng mặt kính bị vỡ quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự phạt tiền các bị cáo Mô Văn A, Dương Văn Đ, Mã Văn G, Nông Văn B, Lường Văn L, Lường Văn D, Nông Văn T và Trịnh Văn N mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo có đơn xin miễn án phí nên cần áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[8] Quá trình điều tra còn xác định lán chăn nuôi mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc là của anh Lường Văn H, trú tại thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, tuy nhiên việc các bị cáo đánh bạc tại lán thì anh H không được biết, do vậy không đề cập xử lý đối với anh H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Mô Văn A, Dương Văn Đ, Mã Văn T, Nông Văn B, Lường Văn D và Trịnh Văn N phạm tội "*Đánh bạc*".

- Xử phạt: Bị cáo Mô Văn A 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Mô Văn A cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: Bị cáo Dương Văn Đ 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: Bị cáo Nông Văn B 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nông Văn B cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: Bị cáo Lường Văn D 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lường Văn D cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: Bị cáo Mã Văn T 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Mã Văn G cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn N 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Văn N cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, r khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lường Văn L và Nông Văn T phạm tội "Đánh bạc"

- Xử phạt: Bị cáo Lường Văn L 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lường Văn L cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: Bị cáo Nông Văn T 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nông Văn T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật Thi hành án hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự;

Phạt các bị cáo Mô Văn A, Dương Văn Đ, Mã Văn T, Nông Văn B, Lường Văn L, Lường Văn D, Nông Văn T và Trịnh Văn N mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 đĩa nhựa màu xanh, 04 quân bài làm bằng tre, nhiều mảnh sứ vỡ.

- Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc nhãn hiệu Viettel màu trắng loại bàn phím đã qua sử dụng, 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu vàng màn hình cảm ứng đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Mã Văn G 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng màn hình cảm ứng mặt kính bị vỡ, quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.950.000đ (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

(Việc xử lý vật chứng số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/7/2018 giữa Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí;

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Mô Văn A, Dương Văn Đ, Mã Văn G, Nông Văn B, Lường Văn L, Lường Văn D, Nông Văn T và Trịnh Văn N.

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn thư.

Chu Đức Quế